

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành

Ngày 31/12/2025	2,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-4.2%	-	-

DT thuần Q4/25
148
tỷ VNĐ
QoQ: ▼12.0 -7.7%
YoY: ▼67.0 -31.3%

LN thuần Q4/25
0.32
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.33 132%
YoY: ▼3.24 -91.0%

LN sau thuế Q4/25
0.77
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.78 177%
YoY: ▼2.63 -77.2%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
-1.6%
YoY: +/-▲ 0.2%

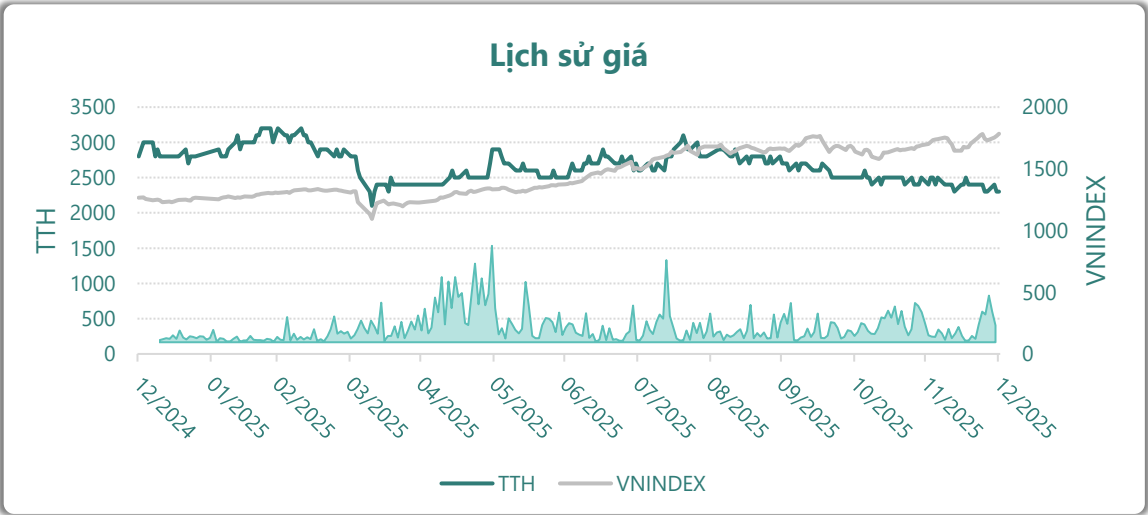
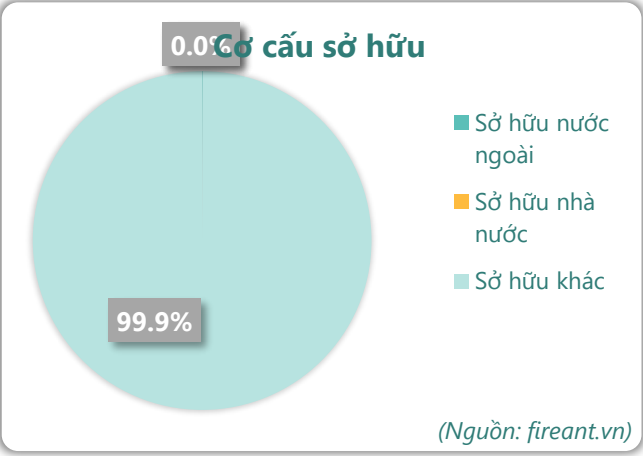
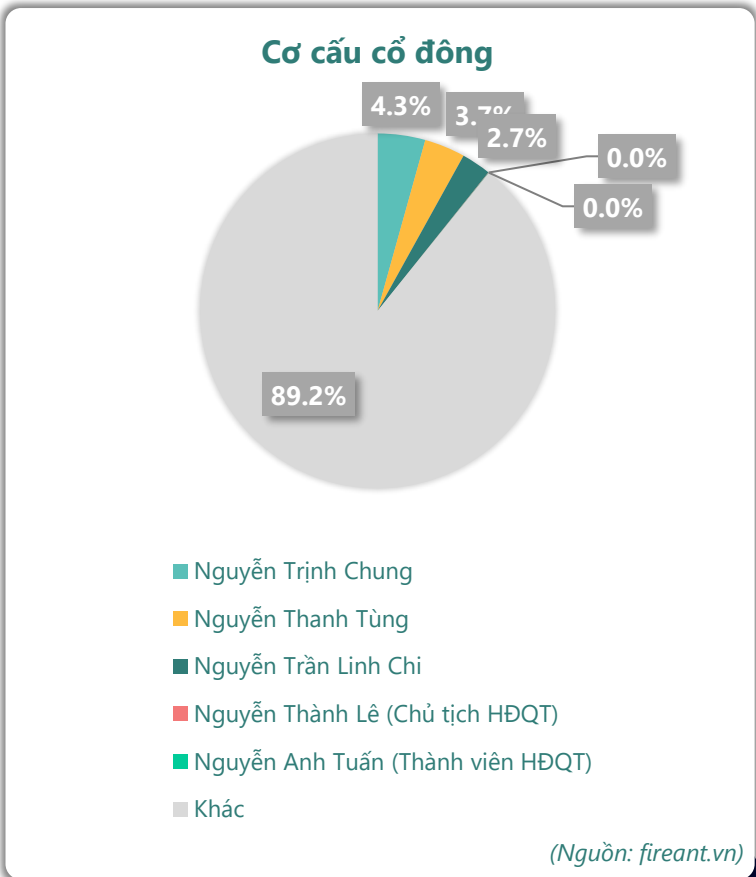
ROE 2025
-2.3%
YoY: +/-▲ 1.5%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,100 - 3,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	37,374,846
KLGD BQ 20 phiên (CP)	81,110
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.46
EPS	-252
P/E	-9.1

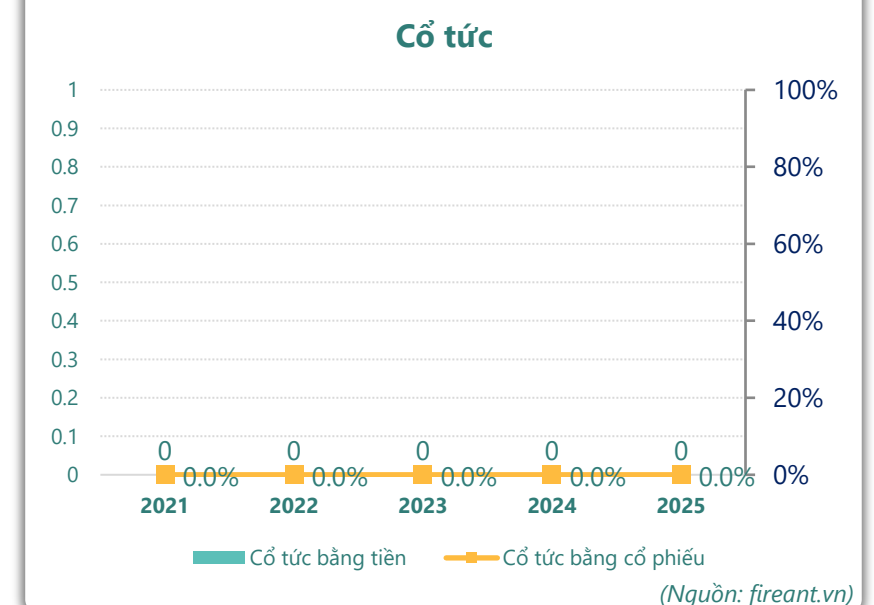
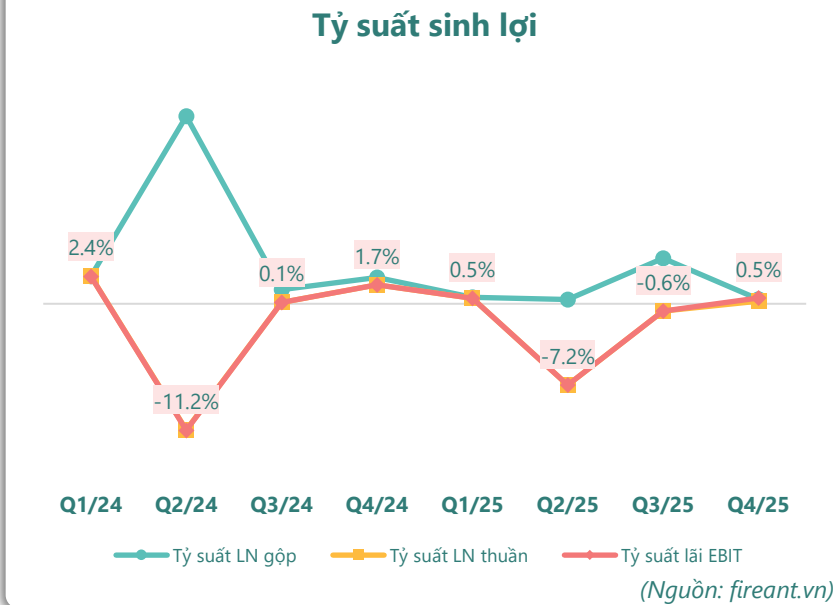
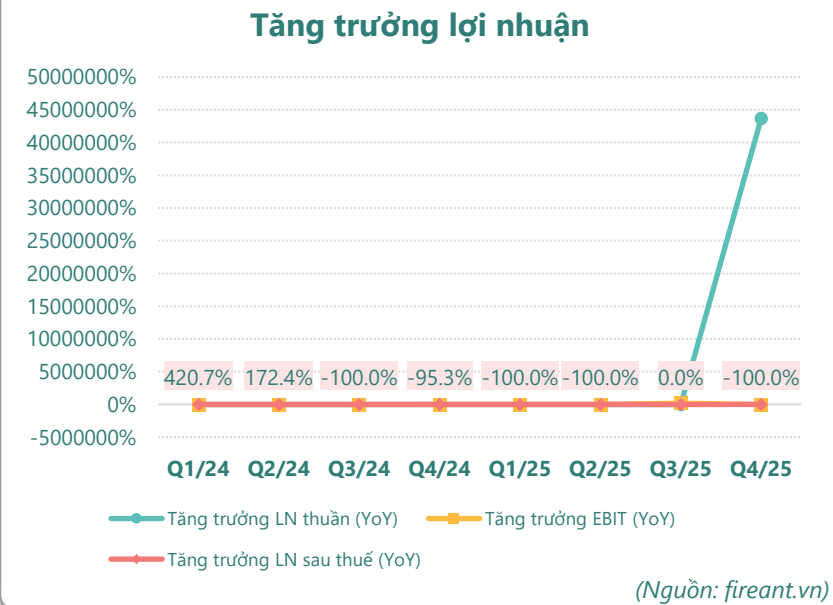
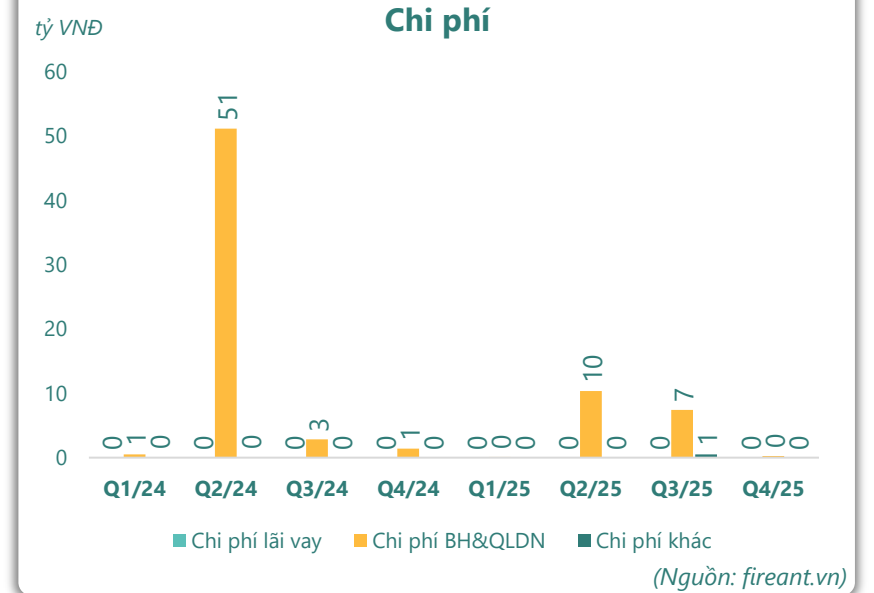
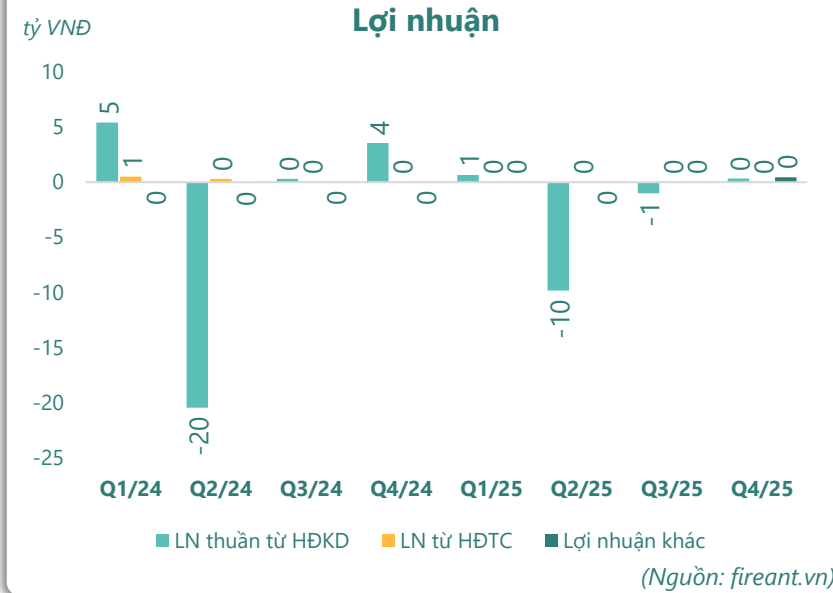
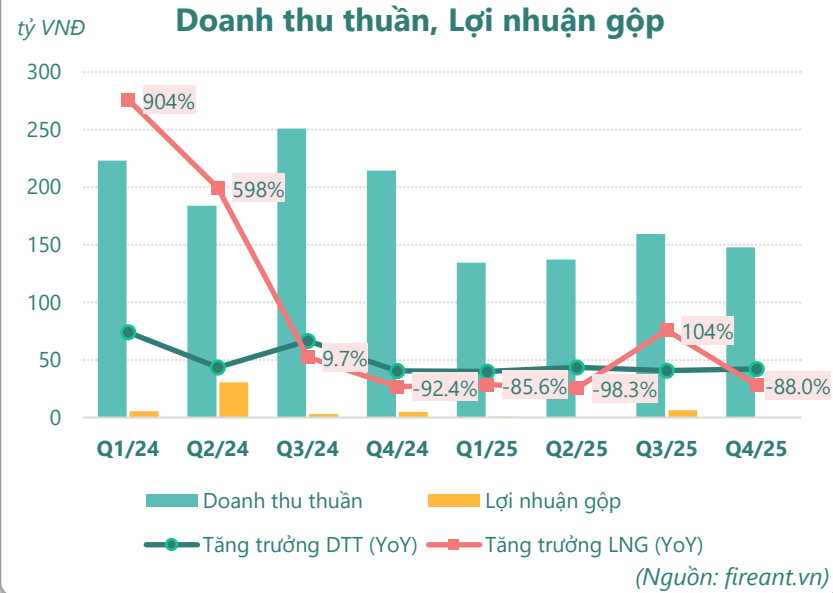
DT thuần 2025
579
tỷ VNĐ
YoY: ▼204 -26.1%

LN thuần 2025
-9.89
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.01 23.3%

LN sau thuế 2025
-9.43
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.57 41.2%



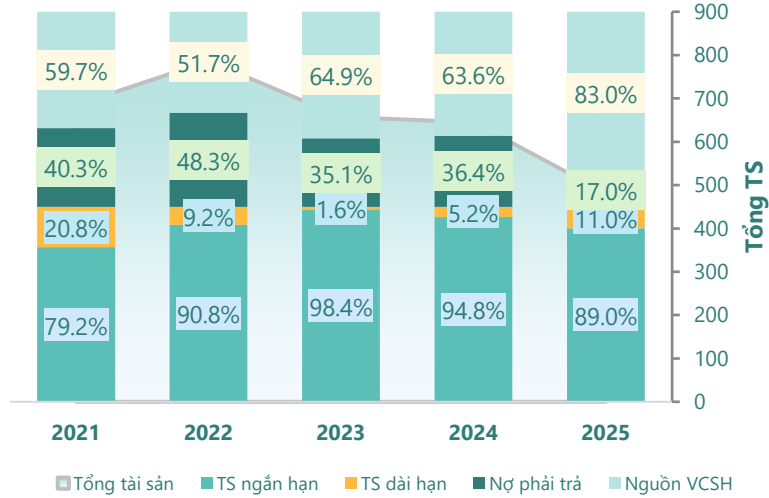
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

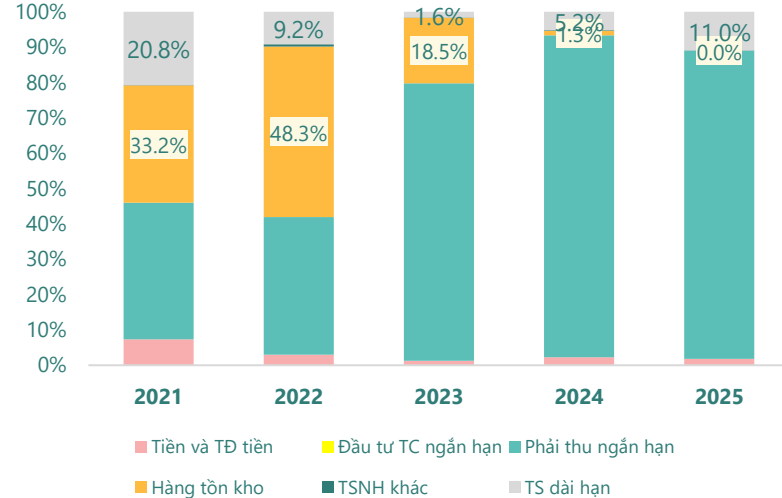
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

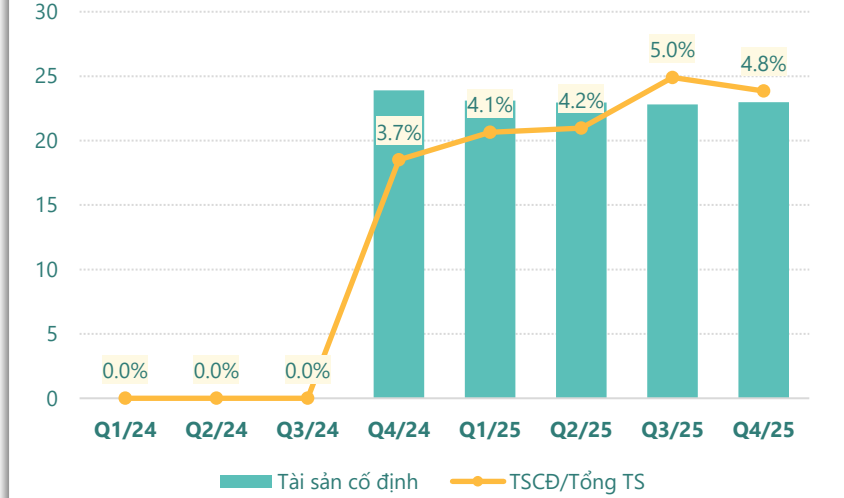
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

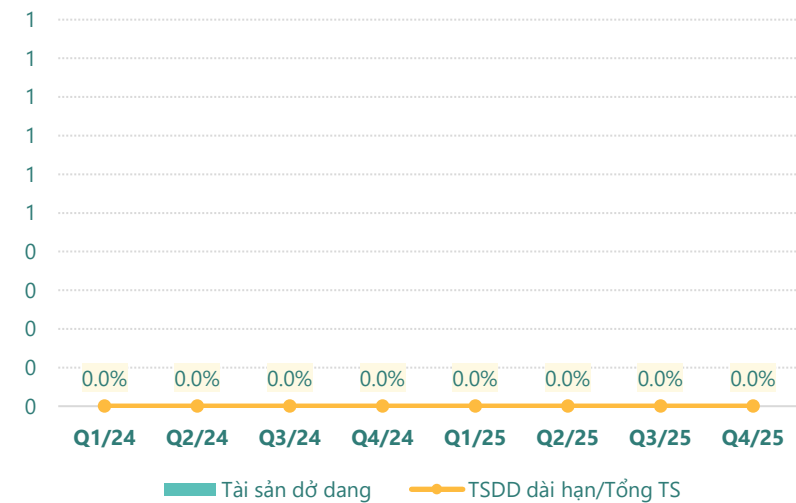
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

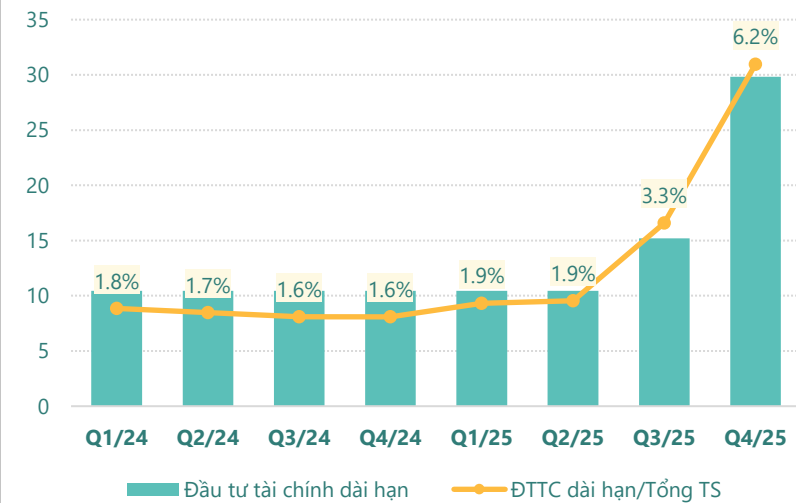
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

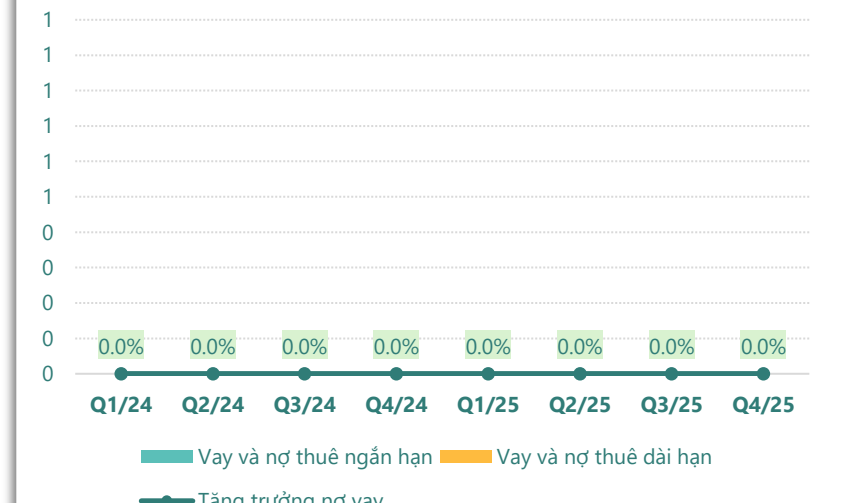
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

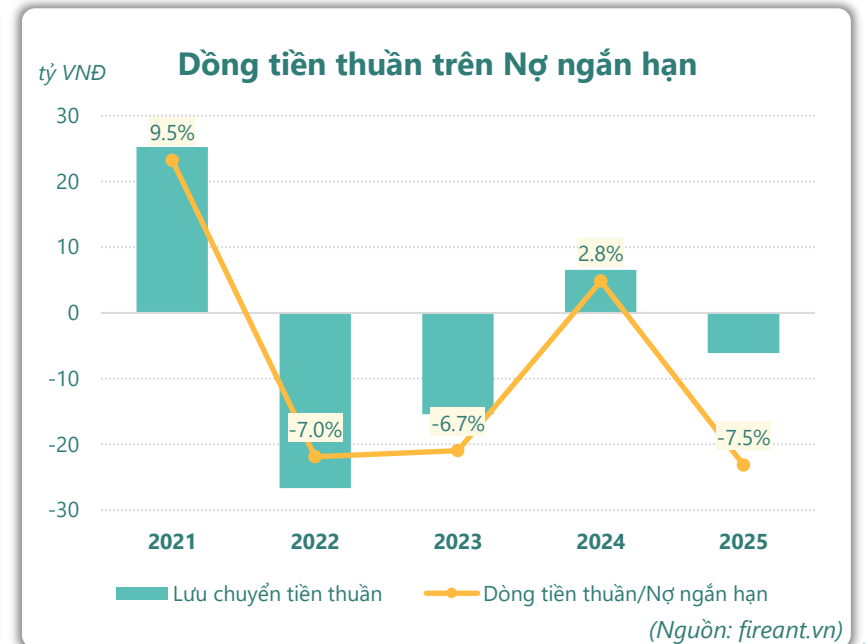
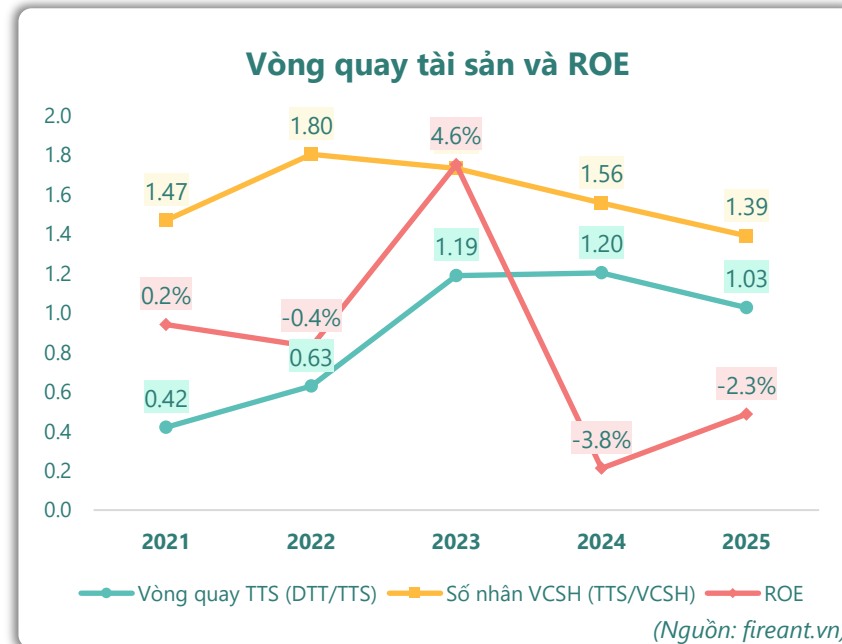
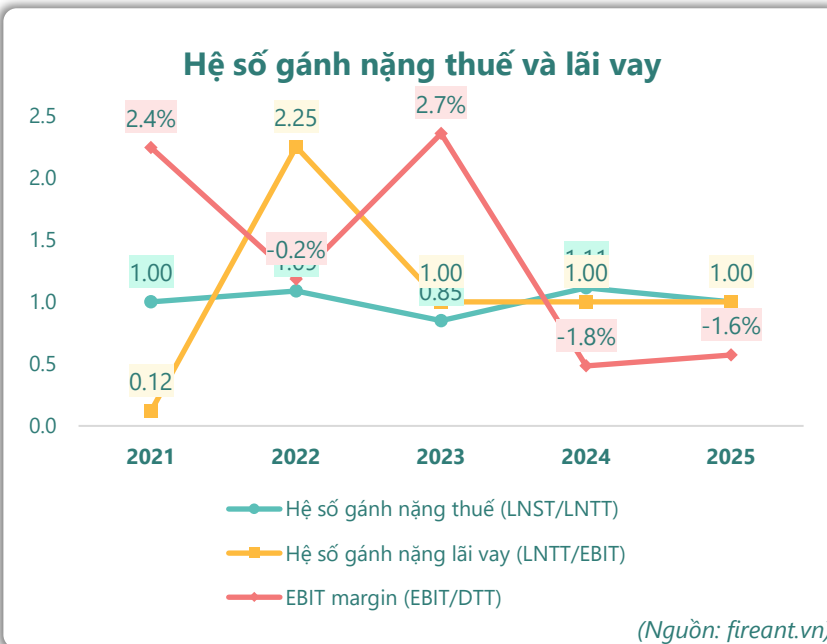
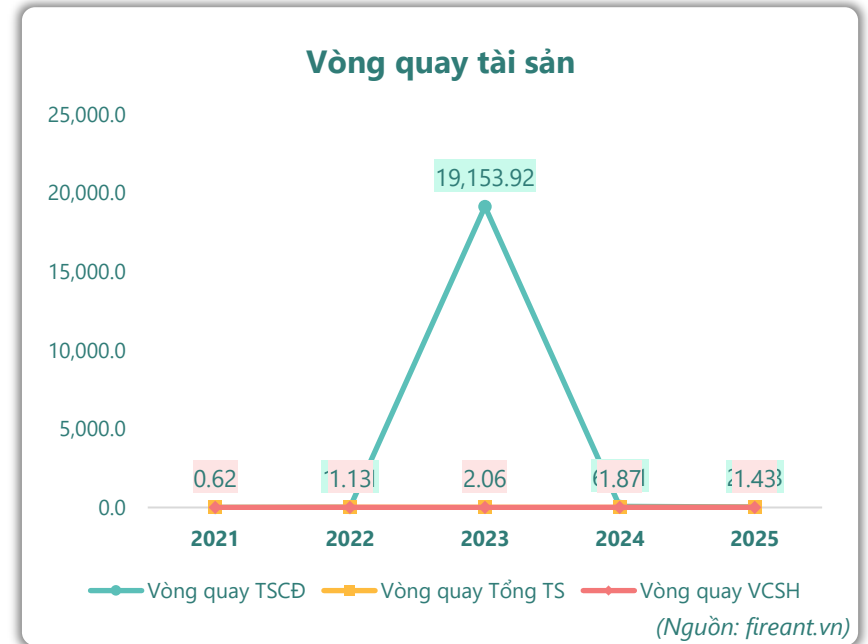
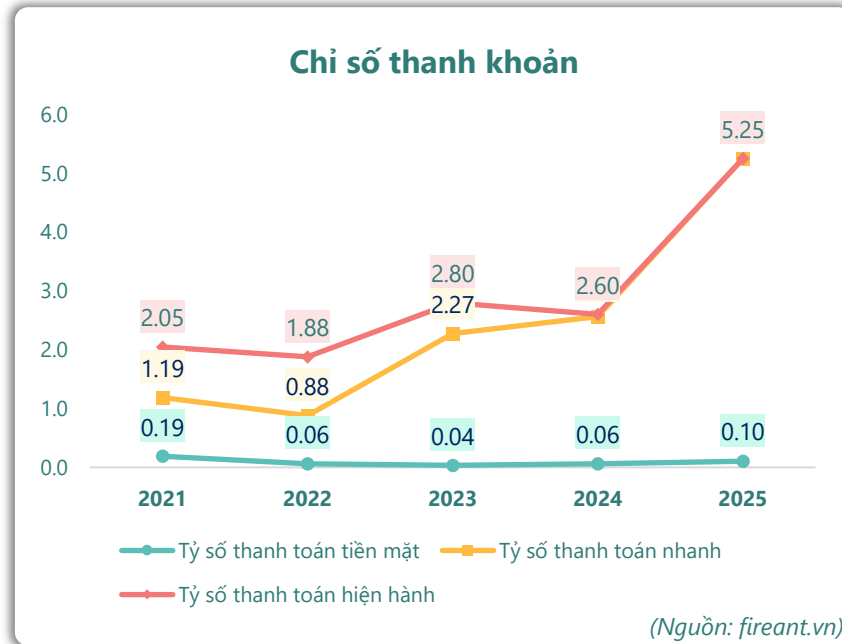
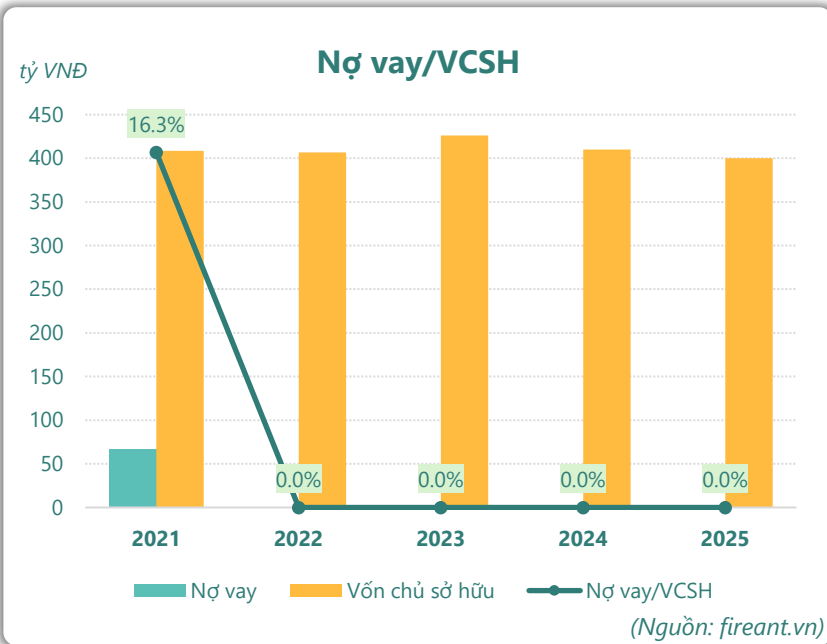
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	148	215	-31.3%	579	783	-26.1%
Giá vốn hàng bán	147	210	-30.0%	571	745	-23.4%
Lợi nhuận gộp	0.59	4.96	-88.0%	8.31	38.5	-78.5%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.00	0.83	-99.9%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.43	0.66	-34.4%	5.21	26.0	-79.9%
Chi phí QLDN	-0.16	0.74	-121%	13.0	26.3	-50.6%
LN thuần từ HĐKD	0.32	3.56	-91.0%	-9.89	-12.9	23.3%
Lợi nhuận khác	0.45	0.00		0.46	-1.53	130%
LN trước thuế	0.77	3.56	-78.3%	-9.43	-14.4	34.6%
Lợi nhuận sau thuế	0.77	3.40	-77.2%	-9.43	-16.0	41.2%
LNST của CĐ cty mẹ	0.77	3.40	-77.2%	-9.43	-16.0	41.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	31.3	7.08	-9.75	-1.41	5.27	-0.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.3	0.00	0.00	0.00	0.52	-0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	7.63	7.59	14.7	4.91	3.50	9.29
Lưu chuyển tiền thuần	-0.04	7.08	-9.75	-1.41	5.79	-0.73
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	7.59	14.7	4.91	3.50	9.29	8.55

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	482	645	-25.3%
Tài sản ngắn hạn	429	611	-29.9%
Tiền và tương đương tiền	8.55	14.7	-41.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	420	587	-28.5%
Hàng tồn kho	0	8.43	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0.43	1.04	-58.5%
Tài sản dài hạn	52.8	33.7	56.6%
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.0%
Tài sản cố định	23.0	23.3	-1.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	29.8	10.5	185%
Tài sản dài hạn khác	0	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	81.7	235	-65.3%
Nợ ngắn hạn	81.7	235	-65.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	62.7	210	-70.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	400	410	-2.5%
Vốn chủ sở hữu	400	410	-2.5%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

